

Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

Bà Hà Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 470/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 2000 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

ĐKTT: số 180/GX, ấp G, xã A, huyện B, tỉnh B.

Địa chỉ tạm trú: số 321/AB2, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Chấn H, sinh năm 1998 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số 180/GX, ấp G, xã A, huyện B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2024, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Chấn H quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh B vào ngày 12/7/2018. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến đầu tháng 7 năm 2023

thì hai bên xảy ra mâu thuẫn, anh H không chăm lo làm ăn không quan tâm gia đình, chị khuyên nhiều lần nhưng anh H không chịu sửa đổi. Từ đó vợ chồng bất hòa, cự cãi và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị và anh H đã sống ly thân nhau cũng từ tháng 7/2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh H có đến thăm chị và con chung nhưng giữa chị và anh H không giải quyết được mâu thuẫn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị xác định không còn tình cảm với anh H và kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Lê Khả H, sinh ngày 11/4/2018, Nguyễn Lê Hoàng Đ, sinh ngày 16/10/2020, Nguyễn Lê Khánh Đ, sinh ngày 16/10/2020. Các con chung đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/02/2025, tại biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2025; đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Chấn H trình bày:

Anh và chị H quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh B. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Anh thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, hòa thuận nguyên nhân từ vấn đề kinh tế, do anh làm nghề biển nên thu nhập không ổn định không đủ lo cho vợ con, chị H thay đổi tính tình gây gổ với anh. Anh nhận thấy hôn nhân giữa anh và chị H không thể chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên anh còn tình cảm với chị H cũng muốn chị H hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị H kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Lê Khả H, sinh ngày 11/4/2018, Nguyễn Lê Hoàng Đ, sinh ngày 16/10/2020, Nguyễn Lê Khánh Đ, sinh ngày 16/10/2020. Các con chung đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh đồng ý giao 03 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan,

độc lập khi xét xử. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thu H đối với anh Nguyễn Chấn H. Về con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Lê Khả H, sinh ngày 11/4/2018, Nguyễn Lê Hoàng Đ, sinh ngày 16/10/2020, Nguyễn Lê Khánh Đ, sinh ngày 16/10/2020 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Chấn H vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H, anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Chấn H quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh B vào ngày 12/7/2018. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H là hợp pháp. Chị H yêu cầu ly hôn với anh H do trong thời gian vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, bất hòa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay. Còn anh H cũng thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, hòa thuận, hôn nhân không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc. Anh H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Qua đó, xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh H đã xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh H sống chung có 03 con chung tên Nguyễn Lê Khả H, sinh ngày 11/4/2018, Nguyễn Lê Hoàng Đ, sinh ngày 16/10/2020, Nguyễn

Lê Khánh Đ, sinh ngày 16/10/2020 đang sống chung với chị H. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung tên Nguyễn Lê Khả H, sinh ngày 11/4/2018, Nguyễn Lê Hoàng Đ, sinh ngày 16/10/2020, Nguyễn Lê Khánh Đ, sinh ngày 16/10/2020 và anh H cũng đồng ý giao 03 con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định tâm lý và sự phát triển bình thường của con chung nên yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Lê Thị Thu H có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thu H đối với anh Nguyễn Chấn H.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Nguyễn Lê Khả H, sinh ngày 11/4/2018, Nguyễn Lê Hoàng Đ, sinh ngày 16/10/2020, Nguyễn Lê Khánh Đ, sinh ngày 16/10/2020. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Nguyễn Chấn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Chấn H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chị Lê Thị Thu H có nghĩa vụ phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007067 ngày 11/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Án phí vụ kiện chị H đã nộp xong.

Trường hợp baùn àùn, quyết ñịnh ñược thi haønh theo quy ñịnh tại Điều 2 Luật Thi haønh àùn dân sự thì người ñược thi haønh àùn dân sõi, người phải thi haønh àùn dân sõi coù quyền thỏa thuận thi haønh àùn, quyền yeâu cầu thi haønh àùn, tự nguyện thi haønh àùn hoặc bị cưỡng chế thi haønh àùn theo quy ñònh tại caùc ñiều 6, 7, 7a, 7b vaø 9 Luật Thi haønh àùn dân sự; thời hiệu thi haønh àùn ñược thực hiện theo quy ñịnh tại Ñiều 30 Luật thi haønh àùn dân sự.

Nguyên ñơn, bị ñơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày nhận ñược bản án hoặc bản án ñược niêm yết theo quy ñịnh của pháp luật, ñể yeâu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các ñương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Lâm